VAI TRÒ CỦA ĐÀI LOAN ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA CÁC THÀNH VIÊN ASEAN MỚI: TRƯỜNG HỢP CỦA VIỆT NAM

TẠ MINH TUẤN*

Đài Loan đã thiết lập được mối quan hệ từ lâu và khá ổn định với các nước Đông Nam Á. Ngay từ những năm 1950, Đài Loan đã có quan hệ về đầu tư và thương mại với khu vực này. Tuy nhiên, các quan hệ kinh tế với các thành viên mới của ASEAN như Campuchia, Lào, Miến Điện và Việt Nam (CLMV) chỉ mới bắt đầu phát triển sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, trong đó nước được ưu tiên nhất là Việt Nam. Trong vòng gần 2 thập kỷ, các mối quan hệ này phát triển rất nhanh và góp phần quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế của Việt Nam. Hiện nay, mặc dù đang phải đối mặt với sự cạnh tranh từ những nền kinh tế khổng lồ của thế giới như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc và EU, Đài Loan vẫn tiếp tục đóng vai trò kinh tế nổi bật tại Việt Nam.

1. Vài nét thay đổi trong chính sách kinh tế của Đài Loan và Việt Nam

Vào cuối những năm 1980, kinh tế Đài Loan bắt đầu có những sự thay đổi đáng kể về quy mô cũng như cơ cấu và tiềm lực. Lo ngại về sự phụ thuộc quá lớn vào thương mại và đầu tư ở Trung Quốc đại lục và mối nguy cơ về một "nền kinh tế bong bóng" đã buộc chính quyền Đài Loan phải có sự thay đổi về chính sách. Chính quyền của ông Lý Đăng Huy đã đưa ra "Phương hướng tăng cường quan hệ kinh tế và thương mại với Đông Nam Á" năm 1994, thường được biết đến như là chính sách "Hướng Nam". Đông Nam Á được xem như là đích đến tự nhiên của luồng đầu tư từ Đài Loan. Các ngành sản xuất cần sử dụng nhiều lao động như giày dép và dệt may đã không còn duy trì được các điều kiện thuận lợi tại Đài Loan, trong

* TS. Tạ Minh Tuấn. Học viện Quan hệ quốc tế

khi các ngành này nhận được sự khuyến khích lớn tại một số nước ASEAN, đặc biệt là các nước CLMV. Mặc dù chịu nhiều hạn chế và chỉ trích, chính sách mang động cơ chính trị này cũng đã khuyến khích được hàng ngàn công ty Đài Loan vào đầu tư và làm ăn tại 4 nước thành viên mới của ASEAN, dẫn đến làn sóng thứ nhất về đầu tư của Đài Loan ở các nước đó. Kết quả là thương mại hai chiều đã tăng nhanh trong thời gian qua.

Trong tháng 5/2002, chính quyền Trần Thụy Biển đã đưa ra kế hoạch "Thách thức năm 2008" kêu gọi hàng loạt các nhà đầu tư trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của Đài Loan. Chương trình này có mục tiêu là cải thiện toàn bộ các ngành kết cấu hạ tầng cũng như dịch vụ của hòn đảo này. Điều này có nghĩa là Đài Loan sẽ tập trung nhiều hơn vào các ngành công nghệ cao và nhanh chóng chuyển các ngành cần nhiều lao động ra nước ngoài. Do vậy, lãnh đạo Đài Loan càng khuyến khích các doanh nghiệp đẩy nhanh chính sách "Hướng Nam". Đây là thời điểm để nâng cao thế mạnh về kinh tế của Đài Loan trong khu vực, và Đài Loan có đủ mọi phương tiện cần thiết để thực hiện được mục tiêu đó. Đến cuối năm 2007, GDP của Đài Loan (theo cách tính thông thường là 375 tỷ USD) đứng thứ 36 trên thế giới (theo PPP là 690 tỷ USD, đứng thứ 18), tổng ngoại thương đạt khoảng 466 tỷ USD, nằm trong nhóm 20 nước đứng đầu và dự trữ ngoại tệ với 274,7 tỷ USD, đứng thứ 4 thế giới[1]. Như vậy, Đài Loan cùng với Nhật Bản, Trung Quốc lục địa Hàn Quốc, Hồng Công và Xingapo đã trở thành một trong những đầu tàu kinh tế ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Tại Đông Nam Á, Chiến tranh Lạnh kết thúc đã mở ra nhiều cơ hội mới cho Việt Nam. Bị cô lập với bên ngoài hơn một thập kỷ từ năm 1979 đến 1990, kinh tế Việt Nam đối mặt với nguy cơ khủng hoảng và suy sụp vào giai đoạn 1986-1988. Các thị trường chính của Việt Nam tại Liên Xô và Đông Âu hầu như biến mất trong chỉ một đêm khi cơn chấn động chính trị diễn ra và làm sụp đổ một loạt các nước đồng minh của Việt Nam. Lúc đó, Việt Nam chưa thiết lập được các quan hệ thương mại với thế giới bên ngoài, vì thế đã rơi vào tình trạng mất đi các nguồn hỗ trợ về kinh tế. Thêm vào đó, một loạt các dự án đầu tư cũng bị hủy bỏ và những nguồn tài trợ không hoàn lại từ khối các nước thuộc phe Liên Xô cũng kết thúc. Việt Nam không có con đường nào khác ngoài việc phải tiến hành những cải cách cơ cấu nền kinh tế, từ đó chuyển dần từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế định hướng thị trường. Ưu tiên trước tiên là việc tăng cường ngoại thương và thu hút đầu tư nước ngoài. Việt Nam cần tạo việc làm cho hàng triệu người. Chính phủ Việt Nam muốn tiếp cận những đối tác tiềm năng để làm sống lại nền kinh tế của mình. Trong thời điểm quan trọng đó, chính Đài Loan và một số thành viên ASEAN đã bắt đầu có quan hệ làm ăn với Việt Nam, mặc dù Việt Nam vẫn đang chịu lệnh cấm vận của Mỹ.

Những năm đầu thập kỷ 1990, những lợi ích kinh tế của Việt Nam và Đài Loan có nhiều điểm song trùng khá lớn. Dường như Đài Loan có thể cung cấp cho Việt Nam nhiều thứ mà Việt Nam đang hy vọng nhận được từ các đối tác nước ngoài. Đó là vốn đầu tư, công nghệ sử dụng nhiều lao động, kỹ năng quản lý ở trình độ khá. Được khuyến khích bởi các chính sách của giới cầm quyền Đài Loan, một số lượng lớn các công ty Đài Loan đã bắt đầu tiến hành công việc kinh doanh tại Việt Nam.

2. Thực trạng quan hệ kinh tế Đài Loan - Việt Nam

Mặc dù Việt Nam đã khá thành công trong việc đa dạng hóa các quan hệ kinh tế với hơn 140 nước và vùng lãnh thổ, Đài Loan vẫn tiếp tục là một trong những đối tác kinh tế quan trọng. Thương mại hai chiều đã tăng dần trong những năm qua. Năm 1991, thương mại song phương đạt khoảng 232 triệu USD, chiếm khoảng 5,25% tổng thương mại của Việt Nam. Số liệu này tương ứng của năm 2006 là 5,7 tỷ USD và 6,73%, trở thành một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Trong mối quan hệ này, Đài Loan luôn là bên xuất siêu và đạt thặng dư thương mại rất lớn. Ví dụ, năm 2006, thặng dư thương mại của Đài Loan là 4 tỷ USD (xem Bảng 1). Tuy nhiên có thể thấy quan hệ thương mại Đài Loan-Việt Nam vẫn ở mức khiêm tốn nếu so sánh với quan hệ thương mại giữa Đài Loan với các nước ASEAN khác như Xingapo, Malaixia, Inđônêxia, Philippin và Thái Lan. Việt Nam chỉ chiếm 10,4% thương mại của Đài Loan với các nước ASEAN năm 2006; mặc dù vậy, đây cũng là một bước tiến lớn so với 1,48% của năm 1991 (xem Bảng 2). Trong số 4 thành viên mới của ASEAN, thương mại Đài Loan với Việt Nam vượt trội hơn nhiều so với Lào, Campuchia và Miến Điện. Từ năm 1991 đến nay, Việt

Bảng 1: Thương mại giữa Đài Loan với các nước CLMV (triệu USD)

Nguồn: Bộ Tài chính Đài Loan

	Tổng thương mại		Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	1991	2006	1991	2006	1991	2006
CLMV	**256,29**	**6,344.31**	**154,15**	**5,398.06**	**99,45**	**946,24**
Campuchia	0,041	466,30	0,00122	458,49	0,0402	7,81
Lào	2,72	42,03	1,86	2,50	85,62	39,52
Mianma	21,18	116,81	2,68	67,83	18,50	48,98
Việt Nam	**232,35**	**5,719.16**	**152,29**	**4,869.22**	**80,06**	**849,93**
Tỷ lệ của Việt Nam (%)	**90,65**	**90,14**	**98,78**	**90,2**	**80,5**	**89,8**

Bảng 2: Thương mại của Đài Loan với Việt Nam và 10 nước ASEAN năm 1991 và 2006 (triệu USD)

Nguồn: Bộ Tài chính Đài Loan

	Tổng thương mại		Xuất khẩu		Nhập khẩu	
	1991	**2006**	**1991**	**2006**	**1991**	**2006**
ASEAN 10	**12,602.34**	**54,595.45**	**7,530.07**	**31,192.81**	**5,072.26**	**23,402.64**
Bru-nây	66,68	15,92	4,84	13,73	61,84	2,19
Inđônêxia	2,441.53	7,703.67	1,207.20	2,499.41	1,234.32	5,204.25
Campuchia	0,04	466,30	0,0012	458,49	0,04	7,81
Lào	272	42,03	1,86	2,50	0,86	39,52
Miến Điện	21,18	116,81	2,68	67,83	18,50	48,98
Malaixia	2,874.20	10,992.85	1,464.84	4,941.33	1,409.35	6,051.51
Philippin	1,083.32	7,259.85	848.01	4,484.34	235.30	2,775.51
Xingapo	3,849.32	14,384.94	2,403.47	9,279.40	1,445.84	5,105.54
Thái Lan	2,030.98	7,893.89	1,444.85	4,576.51	586,12	3,317.37
Việt Nam	**232,34**	**5,719.16**	**152,28**	**4,869.22**	**80,06**	**849,93**
Việt Nam chiếm (%)	**1.84**	**10.4**	**2.02**	**15.6**	**1.57**	**3.63**

Bảng 3: FDI của Đài Loan so với 3 nước có FDI lớn nhất vào Việt Nam từ năm 1988 đến cuối năm 2007 (tỷ USD)

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam

Các nước có FDI vào Việt Nam nhiều nhất	Tổng vốn đăng ký (tỷ USD)	Tổng vốn thực hiện (tỷ USD)
Hàn Quốc	**13.5**	**2.7**
Xingapo	10.7	3.8
Đài Loan	**10.5**	**3.07**
Nhật Bản	9.03	5
Tổng FDI vào Việt Nam	58	21

Nam liên tục duy trì được mức khoảng 91% trong tổng thương mại giữa Đài Loan với các nước CLMV (xem Bảng 1).

Đài Loan là nước đầu tư lớn thứ ba vào Việt Nam. Theo số liệu chính thức của Việt Nam, đến cuối năm 2007, Đài Loan đã đầu tư khoảng 10,5 tỷ USD, chiếm khoảng 12,7 % tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong cùng thời gian, mức giải ngân thực tế thì chỉ vào khoảng 3,07 tỷ USD, chiếm 29,2% tổng vốn đăng ký của Đài Loan[2]. Tỷ lệ này thấp hơn khi so sánh với một số nước có vốn FDI hàng đầu tại Việt Nam

Bảng 4: Cơ cấu FDI của Đài Loan vào Việt Nam từ 1988 đến 9/2006

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội.

Lĩnh vực	Tổng vốn đăng ký (triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (triệu USD)
Công nghiệp	5,565	2,007
Nông nghiệp	1,007	374
Dịch vụ	1,408	558
Tổng vốn	8,050	

khác như Xingapo (35,5%) và Nhật (55,3%), mặc dù tỷ lệ này của nước có FDI lớn nhất vào Việt Nam là Hàn Quốc chỉ vào khoảng 20% (xem Bảng 3). Phần lớn đầu tư của Đài Loan ở Việt Nam tập trung vào các lĩnh vực sản xuất như xây dựng, sản xuất các thiết bị điện tử và dệt may (xem Bảng 4)[3].

Nếu so sánh đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam với lượng vốn mà Đài Loan đầu tư vào các nước ASEAN khác, về giá trị tuyệt đối, chúng ta có thể nhận thấy rằng, tại thời điểm hiện nay, Việt Nam vẫn xếp sau Inđônêxia (khoảng 14 tỷ USD), Thái Lan (khoảng 12 tỷ USD) và Malaixia (khoảng trên 10 tỷ USD). Tuy nhiên, các công ty Đài Loan chỉ mới bắt đầu đầu tư vào Việt Nam kể từ năm 1989, trong khi họ đầu tư vào các nước trên sớm hơn rất nhiều. Nếu tính đến cả các cam kết đầu tư gần đây của Foxconn, trị giá khoảng 5 tỷ USD[4], Việt Nam có lẽ sẽ nhanh chóng trở thành nước đứng đầu danh sách đầu tư của Đài Loan vào ASEAN. Cũng cần phải nhấn mạnh rằng, đầu tư của Đài Loan vào Việt Nam đã tạo ra khoảng 1,4 triệu công ăn việc làm, trực tiếp hay gián tiếp cho người Việt Nam[5], cũng như một lượng lớn các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam đang tiếp tục được sản xuất ra từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Đài Loan. Điều này minh họa cho tính hiệu quả và vai trò mà đầu tư của Đài Loan đối với việc đẩy nhanh hội nhập bước đầu của nền kinh tế Việt Nam vào kinh tế khu vực và thế giới. Điều này cũng thể hiện sự đánh giá cao của Việt Nam đối với đầu tư của Đài Loan.

3. Quan hệ kinh tế Đài Loan - Việt Nam trong bối cảnh khu vực

Cũng như tất cả các nước Đông Nam Á, Việt Nam luôn nhất quán với chính sách "Một Trung Quốc". Việt Nam chỉ duy trì các mối quan hệ không chính thức với Đài Loan, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, các mối quan hệ này không thể tách rời các mối quan hệ của Đài Loan với các nước ASEAN. Trong những năm gần đây, đã có nhiều ý kiến trong giới chính trị Đài Loan về sáng kiến thiết lập một khu vực mậu dịch tự do (FTA) Đài Loan-ASEAN, theo kiểu mô hình FTA

Trung Quốc-ASEAN hay ASEAN-Nhật, ASEAN- Hàn Quốc. Một liên kết FTA như vậy sẽ làm sâu sắc hơn về mặt thực chất quan hệ kinh tế Đài Loan-ASEAN. Tuy nhiên, Rodolfo C. Severino, nguyên Tổng Thư ký ASEAN đã chỉ rõ rằng: "không có lý do gì ngăn cản sự duy trì và phát triển mối quan hệ kinh tế có lợi cho cả hai bên như vậy. Mối quan hệ đó muốn được tiếp tục duy trì thì không nên bị chính trị hóa. Có nhiều cách khác nhau để đạt được các mục tiêu về thương mại của các hiệp định như vậy mà không làm cho người ta hiểu nhầm công nhận Đài Loan là một quốc gia độc lập. Trong bất cứ trường hợp nào, cần phải cực kỳ cẩn thận trong việc làm đó, bởi nó sẽ gây ra nhiều hệ lụy về chính trị... Việc theo đuổi các hiệp định FTA để đạt được mục tiêu chính trị, mặc dù là hợp lý đối với các quốc gia có chủ quyền, trên thực tế lại có thể làm tổn hại đến các mối quan hệ quan trọng vốn có lợi cho cả Đài Loan lẫn các nước ASEAN[6]. "Quan điểm này đã thể hiện đúng đắn suy nghĩ và quan niệm phổ biến của hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả các nước ASEAN.

Công bằng mà nói, việc đạt được một thỏa thuận hợp tác kinh tế chính thức giữa ASEAN và Đài Loan là hầu như không thể xảy ra. Cần phải xem liệu các nước ASEAN có thể nhất trí ủng hộ Đài Loan trong việc thiết lập một Khu vực thương mại tự do Đông Á - nếu nó được hiện thực hóa - hay không. Về phía Đài Loan, có vẻ như họ rất lo lắng nếu các hiệp định thương mại khu vực được ký mà không có sự tham gia của Đài Loan, vì việc đó có thể sẽ làm suy yếu hệ thống WTO và đặt Đài Loan ra ngoài cuộc chơi. Tuy nhiên, người ta cũng có thể lập luận rằng Đài Loan trên thực tế đã được hưởng lợi rất nhiều từ các hiệp định FTA giữa ASEAN và các nước ngoài khu vực. Những cơ sở sản xuất của Đài Loan đặt tại các nước ASEAN đã xuất khẩu đến tất cả các thị trường lớn trên thế giới. Bằng cách này, Đài Loan đã dần dần có chỗ đứng, mặc dù không chính thức, trong các hiệp định FTA song phương và khu vực.

Hiện nay, vấn đề đặt ra là có cách nào để tăng cường được mối quan hệ về kinh tế của Đài Loan với ASEAN, đặc biệt là các nước CLMV. Câu trả lời là Có. Trên cấp độ đa phương, là một thành viên của APEC, WTO và ADB, Đài Loan có thể tham gia nhiều hơn vào công cuộc phát triển của các thành viên mới này, bao gồm cả Việt Nam. Hợp tác trong các cơ chế này có thể tăng cường lợi thế của Đài Loan với tư cách là một nền kinh tế hàng đầu ở Đông Á. Ví dụ, tất cả các nước Đông Nam Á lục địa đã thúc đẩy hợp tác tiểu vùng sông Mekong. ADB là một trong những nhà tài trợ và cung cấp tài chính cho chương trình này. Đài Loan có thể đóng vai trò lớn hơn thông qua vị trí thành viên của ADB. Đài Loan có thể cung cấp nhiều vốn hơn dành cho các dự án phát triển trong khuôn khổ đó, vì họ sở hữu công nghệ, chuyên môn, kỹ năng quản lý, ví dụ trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng.

Cho đến nay, ngoại trừ Campuchia, Lào và Miến Điện, các nước ASEAN khác

đã ký được hiệp định bảo đảm đầu tư với Đài Loan. Việc củng cố và mở rộng các hiệp định song phương giữa Đài Loan với từng nước ASEAN có thể chính là biện pháp tốt nhất để tăng cường quan hệ kinh tế Đài Loan-ASEAN. Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế ASEAN lên một giai đoạn phát triển mới, Đài Loan nên đầu tư thêm vào ASEAN để giúp tăng tính cạnh tranh của nền kinh tế khu vực. Nhờ đó, Đài Loan có thể cạnh tranh hiệu quả hơn với Nhật bản, Hàn Quốc, Mỹ và các thành viên EU tại thị trường ASEAN.

Dù vậy, tại thời điểm hiện nay chúng ta không nên quá lạc quan bởi chính sách của Đài Loan không phải lúc nào cũng được xây dựng trên nền tảng và tính toán kinh tế hợp lý. Chính những doanh nhân Đài Loan sẽ quyết định nên đầu tư ở đâu và vào thời điểm nào, bất kể chính sách tốt đến mức nào. Các nước ASEAN cũng cần lưu ý: Trung Quốc lục địa vẫn chiếm phần lớn trong các dòng đầu tư ra bên ngoài cũng như thương mại của Đài Loan. Năm 2006 thương mại Đài Loan với Trung Quốc lục địa chiếm đến 20,65% tổng thương mại của Đài Loan[7], trong khi thương mại với ASEAN chỉ chiếm 12,8%. Theo số liệu thống kê của ủy ban Đầu tư thuộc Bộ Kinh tế Đài Loan, tổng đầu tư vào Trung Quốc lục địa từ 1991 đến 5/2007 là 58 tỷ USD, chiếm khoảng 55,23% tổng đầu tư ra nước ngoài của Đài Loan trong suốt thời kỳ đó. Trong khi đó, đầu tư của Đài Loan vào 4 nước ASEAN là Xingapo, Việt Nam, Thái Lan và Philippin chỉ chiếm 6,36%[8]. Mặc dù số liệu thực tế có thể cao hơn bởi vì hàng tỷ USD đã được đầu tư vào các nước này mà không được đăng ký tại ủy ban Đầu tư, nhưng số liệu này cũng rất nhỏ so với đầu tư vào Trung Quốc. Chính vì vậy, Đài Loan vẫn còn rất nhiều cơ hội để đầu tư vào ASEAN và nâng cao vị thế của nó trong khu vực.

4. Triển vọng quan hệ kinh tế Đài Loan - Việt Nam

Các doanh nghiệp vẫn rất lạc quan về triển vọng quan hệ kinh tế Đài Loan-Việt Nam. Trong chính sách kinh tế của Đài Loan đối với ASEAN, Việt Nam vẫn tiếp tục chiếm vị trí ưu tiên. Thị trường Việt Nam tuy nhỏ hơn Trung Quốc nhưng đây là một điểm đến quan trọng cho việc mở rộng kinh doanh. Các công ty Đài Loan đã quen với thị trường này và đã gặt hái được nhiều lợi nhuận. Chưa có một thống kê riêng nào thể hiện tổng lợi nhuận của Đài Loan, nhưng tất cả các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam đã sản xuất ra giá trị 29,4 tỷ USD trong năm 2006, tăng 31,3% so với năm 2005. Dĩ nhiên là lợi nhuận của họ cũng tăng lên tương ứng và các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Đài Loan cũng không ngoại lệ. Trong số các thành viên mới của ASEAN, Việt Nam là thị trường đầu tư hấp dẫn hơn so với 3 nước còn lại. Mặc dù trao đổi về kinh tế với các nước này cũng đã tăng mạnh trong những năm vừa qua, tổng thương mại và đầu tư vẫn nhỏ hơn nhiều so với Việt Nam.

Các nhà lãnh đạo mới của Việt Nam đang sẵn sàng thúc đẩy nhanh hơn nữa

các việc phát triển kinh tế nhằm cơ bản đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hóa trong vòng 15 năm tới. Quan hệ kinh tế sâu sắc hơn với các đối tác lớn sẽ là một ưu tiên. Việt Nam chắc chắn sẽ cố hết sức để bảo đảm một môi trường chính trị ổn định và tiếp tục cải thiện chính sách đầu tư nước ngoài để tạo ra nhiều động lực cho các nhà đầu tư nước ngoài. Các chính sách của chính phủ Việt Nam sẽ ngày càng nhất quán, minh bạch và có thể dự đoán được. Việt Nam đã mở rộng quan hệ quốc tế, bao gồm cả việc trở thành thành viên trong các cơ chế kinh tế khu vực và thế giới như WTO, APEC, AFTA, và khu vực thương mại tự do ASEAN- Trung Quốc. Khi ASEAN hoàn thành các cuộc đàm phán với Nhật và Hàn Quốc về thiết lập các khu vực mậu dịch tự do, kinh tế của Việt Nam sẽ liên kết chặt chẽ hơn với các cường quốc kinh tế này. Trong những năm tới đây, kinh tế Việt Nam được cho là sẽ có bước phát triển mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, Đài Loan sẽ muốn tăng cường hơn nữa các quan hệ kinh tế với Việt Nam. Tuy nhiên, để duy trì được động lực cho quan hệ này trong thời gian dài khi nền kinh tế Việt Nam đang tiến nhanh trên nấc thang phát triển, các doanh nghiệp Đài Loan nên xem xét việc đầu tư nhiều hơn vào các lĩnh vực kỹ thuật cao và dịch vụ thay vì các ngành cần nhiều lao động.

Tóm lại, các quan hệ kinh tế Việt Nam và Đài Loan đã phát triển theo hướng tích cực và có lợi cho cả hai phía. Trong số 4 thành viên mới của ASEAN, Việt Nam đang là nước đứng đầu về đầu tư và thương mại của Đài Loan. Việt Nam và các nước ASEAN khác sẽ hoan nghênh việc Đài Loan tiếp tục tham gia vào các hoạt động kinh tế ở khu vực. ASEAN nên bày tỏ rõ rằng Đài Loan không nên quá lo lắng về việc có quá nhiều các hiệp định FTA trong khu vực, bởi vẫn còn có nhiều cách khác để tăng cường không chỉ quan hệ giữa Đài Loan và ASEAN mà cả Đài Loan với Việt Nam./.

CHÚ THÍCH

1. CIA, *The World Factbook - Taiwan*, 2008, https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/tw.html; theo Bộ Tài chính Đài Loan thì tổng thương mại Đài Loan năm 2006 là 426.7 tỷ USD.
2. Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam,http://fia.mpi.gov.vn/Default.aspx?ctl=FIAs&TabID=4&mID=237
3. Ting-I Tsai, "Taiwan Investment Scramble," *Asia Times*, 25/8/2006, http://www.atimes.com/atimes/China/HH25Ad01.html
4. Ngọc Anh, "Foxconn ký thỏa thuận đầu tư 5 tỉ USD vào Việt Nam," *Thời báo Kinh tế Việt Nam,* 04 /9/2007, http://www.vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat_name=0802&id=fe2f083ca6f0a1
5. Tsai, Tldd.
6. Rodolfo C. Severino, Phát biểu tại Diễn đàn An ninh Châu Á-Thái Bình Dương, Đài Loan, 30/8/2007.
7. Mainland Affairs Council, "Cross-Strait Economic Statistics Monthly," No.174, p.28, http://www.mac.gov.tw/big5/statistic/em/174/8.pdf
8. Nt. tr.33